

Số: /2025/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động
xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ Về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 28/TTr-SXD ngày 13 tháng 4 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2025 và thay thế Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của

UBND tỉnh Bắc Giang Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Giang Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 4/2023/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ pháp luật - Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Tài chính, Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các Ban của Đảng;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, KTN, TH;
- Lưu: VT, KTN_{Hiệu}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Thịnh

QUY ĐỊNH

Một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của UBND tỉnh Bắc Giang)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, bao gồm:

1. Khoản 2 Điều 103 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi tại Khoản 37 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 về phân cấp, ủy quyền cấp giấy phép xây dựng;

2. Khoản 5, 7 Điều 121 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng về ban hành quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư; phân cấp cho cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư; điều chỉnh, phân cấp thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình;

3. Khoản 6 Điều 20 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ Về quản lý chi phí đầu tư xây dựng về tổ chức xây dựng, ban hành định mức dự toán cho các công tác xây dựng đặc thù của địa phương;

4. Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP về công bố đơn giá xây dựng công trình của địa phương; phân cấp, ủy quyền cho Sở Xây dựng công bố các thông tin về giá xây dựng trên địa bàn tỉnh;

5. Khoản 1 Điều 77 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP về phân cấp thẩm quyền sát hạch, cấp chứng chứng chỉ hành nghề hạng I;

6. Khoản 1 Điều 96 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP về phân cấp thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng I đối với tổ chức có trụ sở chính tại địa bàn thuộc phạm vi quản lý của mình;

7. Khoản 4 Điều 39 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng về phân cấp thẩm quyền tiếp nhận và cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình;

8. Điểm d Khoản 2 Điều 45 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP về phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì giải quyết đối với sự cố công trình xây dựng cấp II, cấp III trên địa bàn;

9. Khoản 5 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP về phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các nội dung quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; phân cấp cho cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình xây dựng trên địa bàn hành chính của huyện;

10. Điểm b Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng về phân cấp kiểm tra việc thực hiện pháp luật trong các lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh.

11. Một số biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và quy định về viết tắt

1. Ủy ban nhân dân viết tắt là UBND.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh, bao gồm: Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

3. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện là Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các huyện, thị xã, thành phố.

4. Báo cáo nghiên cứu khả thi viết tắt là BCNCKT.

5. Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng viết tắt là BCKTKT.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 4. Thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công

1. Dự án do tỉnh quản lý:

Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh chủ trì thẩm định nội dung BCNCKT dự án của người quyết định đầu tư và của cơ quan chuyên môn về xây dựng; thẩm định BCKTKT của người quyết định đầu tư; tổng hợp kết quả thẩm định trình người quyết định đầu tư phê duyệt.

2. Dự án do cấp huyện quản lý:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện chủ trì thẩm định nội dung BCNCKT dự án, BCKTKT của người quyết định đầu tư; tổng hợp kết quả thẩm định trình người quyết định đầu tư phê duyệt.

b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thẩm định nội dung BCNCKT dự án của cơ quan chuyên môn về xây dựng (trừ dự án đã phân cấp cho cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND thành phố Bắc Giang thẩm định tại điểm c khoản này); gửi kết quả thẩm định cho cơ quan chủ trì thẩm định của người quyết định đầu tư dự án.

c) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND thành phố Bắc Giang thẩm định nội dung BCNCKT dự án của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án nhóm C có quy mô từ cấp III trở xuống do Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang quyết định đầu tư.

3. Dự án do cấp xã quản lý:

a) Công chức Địa chính - Xây dựng cấp xã chủ trì thẩm định nội dung BCNCKT dự án, BCKTKT của người quyết định đầu tư; tổng hợp kết quả thẩm định trình người quyết định đầu tư phê duyệt.

b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thẩm định nội dung BCNCKT dự án của cơ quan chuyên môn về xây dựng (trừ dự án đã phân cấp cho cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND thành phố Bắc Giang thẩm định tại điểm c khoản này); gửi kết quả thẩm định cho cơ quan chủ trì thẩm định của người quyết định đầu tư dự án.

c) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND thành phố Bắc Giang thẩm định nội dung BCNCKT dự án của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án nhóm C có quy mô từ cấp III trở xuống do Chủ tịch UBND cấp xã thuộc thành phố Bắc Giang quyết định đầu tư; gửi kết quả thẩm định cho cơ quan chủ trì thẩm định của người quyết định đầu tư dự án.

4. Dự án sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư:

a) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp giao bộ phận chuyên môn trực thuộc chủ trì thẩm định nội dung BCNCKT dự án, BCKTKT đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư.

b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thẩm định nội dung BCNCKT dự án của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án do đơn vị sự nghiệp thuộc cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quản lý (trừ dự án đã phân cấp cho cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND thành phố Bắc Giang thẩm định tại điểm c khoản này).

c) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND thành phố Bắc Giang thẩm định nội dung BCNCKT dự án của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án nhóm C có quy mô từ cấp III trở xuống do đơn vị sự nghiệp thuộc UBND thành phố, cấp xã thuộc thành phố Bắc Giang làm chủ đầu tư.

Điều 5. Thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công do cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp thực hiện

1. Dự án do cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh thực hiện:

Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thẩm định nội dung BCNCKT dự án của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án có quy mô nhóm B trở lên, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng; chủ trì thẩm định nội dung BCNCKT, BCKTKT của người quyết định đầu tư theo quy định; tổng hợp kết quả thẩm định trình người quyết định đầu tư phê duyệt.

2. Dự án do cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp cấp huyện thực hiện:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện chủ trì thẩm định nội dung BCNCKT dự án, BCKTKT của người quyết định đầu tư theo quy định; tổng hợp kết quả thẩm định trình người quyết định đầu tư phê duyệt.

b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thẩm định nội dung BCNCKT dự án của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án có quy mô nhóm B trở lên, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng (trừ dự án đã phân cấp cho cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND

thành phố Bắc Giang thẩm định tại điểm c khoản này); gửi kết quả thẩm định cho cơ quan chủ trì thẩm định của người quyết định đầu tư dự án.

c) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND thành phố Bắc Giang thẩm định nội dung BCNCKT dự án của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng có quy mô từ cấp III trở xuống do Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang quyết định đầu tư.

3. Dự án do UBND cấp xã thực hiện:

a) Công chức Địa chính - Xây dựng cấp xã chủ trì thẩm định nội dung BCNCKT dự án, BCKTKT của người quyết định đầu tư theo quy định; tổng hợp kết quả thẩm định trình người quyết định đầu tư phê duyệt.

b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thẩm định nội dung BCNCKT dự án của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án có quy mô nhóm B trở lên, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng (trừ dự án đã phân cấp cho cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND thành phố Bắc Giang thẩm định tại điểm c khoản này); gửi kết quả thẩm định cho cơ quan chủ trì thẩm định của người quyết định đầu tư dự án.

c) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND thành phố Bắc Giang thẩm định nội dung BCNCKT dự án của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng có quy mô từ cấp III trở xuống do Chủ tịch UBND cấp xã thuộc thành phố Bắc Giang quyết định đầu tư; gửi kết quả thẩm định cho cơ quan chủ trì thẩm định của người quyết định đầu tư dự án.

Điều 6. Thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án sử dụng vốn khác

1. Chủ sở hữu hoặc người đại diện chủ sở hữu tổ chức thẩm định các nội dung của người quyết định đầu tư.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thẩm định nội dung BCNCKT dự án của cơ quan chuyên môn về xây dựng, đối tượng dự án thẩm định theo quy định tại điểm d khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 16 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP (trừ các dự án quy định tại khoản 3 Điều này).

3. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện thẩm định nội dung BCNCKT dự án của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với các dự án công trình từ cấp III trở xuống (trừ các dự án Khu nhà ở, Khu đô thị, Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, các dự án đầu tư xây dựng trong khu công nghiệp) được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính cấp huyện, đối tượng dự án thẩm định theo quy định tại điểm d khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 16 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

Điều 7. Quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do UBND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng và cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư theo Điều 4, Điều 5 Quy định này tiếp nhận hồ sơ dự án do chủ đầu tư trình thẩm định để tổ chức thẩm định. Trình tự thẩm định BCNCKT đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm tổ chức thẩm định nội dung theo quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020. Thời gian thẩm định theo quy định tại Điều 59 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020.

3. Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư tổng hợp kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng; ý kiến của các cơ quan thực hiện chức năng quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan (nếu có), tổ chức thẩm định nội dung theo quy định tại Điều 57 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; trình người quyết định đầu tư phê duyệt dự án theo quy định tại khoản 7 Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

4. Việc điều chỉnh BCNCKT thực hiện theo Điều 23 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, quy trình thực hiện theo khoản 1, 2, 3 Điều này.

Điều 8. Quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do UBND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư

1. Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư theo Điều 4, Điều 5 Quy định này chủ trì, tiếp nhận hồ sơ dự án do chủ đầu tư trình thẩm định để tổ chức thẩm định. Trình tự thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật của cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

2. Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định nội dung theo quy định tại Điều 57 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; tổng hợp ý kiến của các cơ quan thực hiện chức năng quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan (nếu có), trình người quyết định đầu tư phê duyệt dự án theo quy định tại khoản 7 Điều 15 Nghị

định số 175/2024/NĐ-CP. Thời gian thẩm định theo quy định tại Điều 59 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14.

3. Việc điều chỉnh BCKTKT thực hiện theo Điều 23 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, quy trình thực hiện theo khoản 1, 2 Điều này.

Mục 2

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG VÀ GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Điều 9. Thẩm quyền thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công

1. Dự án sử dụng vốn đầu tư công do cấp tỉnh quản lý và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công do cơ quan, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh quản lý:

Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở dự án sử dụng vốn đầu tư công; thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với dự án có quy mô nhóm B trở lên, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công.

2. Dự án sử dụng vốn đầu tư công do cấp huyện và cấp xã quản lý và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công do cơ quan, đơn vị sự nghiệp cấp huyện, cấp xã quản lý:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở dự án sử dụng vốn đầu tư công; thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công có quy mô nhóm B trở lên, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng (Trừ dự án phân cấp cho Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND thành phố Bắc Giang thẩm định quy định tại điểm b khoản này).

b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND thành phố Bắc Giang thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công nhóm C có quy mô công trình từ cấp III trở xuống do UBND thành phố và cấp xã trực thuộc thành phố quản lý; thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công do cơ quan, đơn vị sự nghiệp cấp huyện, cấp xã thuộc thành phố Bắc Giang quản lý có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng quy mô công trình từ cấp III trở xuống.

Điều 10. Thẩm quyền thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án sử dụng vốn khác

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ dự án phân cấp cho cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện thẩm định quy định tại khoản 2 Điều này), đối tượng dự án thẩm định theo quy định tại điểm d khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 44 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với dự án có công trình từ cấp III trở xuống (trừ công trình thuộc các dự án Khu nhà ở, Khu đô thị, Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị) được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính cấp huyện, đối tượng dự án thẩm định theo quy định tại điểm d khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 44 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

Điều 11. Thẩm quyền cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng

UBND tỉnh phân cấp:

1. Sở Xây dựng cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng cho các công trình từ cấp II trở lên thuộc diện phải cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh; công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng nằm trên địa bàn hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên (trừ công trình ủy quyền tại khoản 2 Điều này).

2. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng cho các công trình thuộc diện phải cấp giấy phép xây dựng trong các khu công nghiệp thuộc chức năng và phạm vi quản lý.

Mục 3

QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Điều 12. Lập, công bố định mức xây dựng, đơn giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng

1. Sở Xây dựng tổ chức lập, trình UBND tỉnh công bố định mức dự toán xây dựng cho các công việc đặc thù của địa phương chưa có trong hệ thống định mức xây dựng do Bộ Xây dựng công bố, đơn giá xây dựng công trình.

2. UBND tỉnh phân cấp cho Sở Xây dựng tổ chức lập và công bố đơn giá nhân công, giá ca máy và thiết bị thi công, chỉ số giá xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 13. Quản lý giá vật liệu xây dựng, thiết bị

1. Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với Sở Tài chính công bố giá các loại vật liệu xây dựng, thiết bị trên địa bàn tỉnh.

2. Trường hợp vật liệu xây dựng, thiết bị chưa có trong công bố giá hoặc đã có nhưng chủng loại vật liệu không phù hợp với yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng, khả năng cung ứng và các điều kiện cụ thể khác theo từng dự án, công trình thì giá vật liệu xây dựng, thiết bị để xác định giá xây dựng công trình được chủ đầu tư thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá lựa chọn trên cơ sở tham khảo các nguồn thông tin về giá vật liệu xây dựng theo hướng dẫn tại điểm b mục 1.2.1.1 Phụ lục IV Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Xây dựng.

Điều 14. Thẩm quyền sát hạch, cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề hạng I, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng I

UBND tỉnh phân cấp cho Sở Xây dựng thực hiện công tác sát hạch, cấp chứng chỉ hành nghề hạng I theo quy định tại khoản 3 Điều 149 của Luật Xây dựng năm 2014 và điểm a khoản 1 Điều 77 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP; cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng I đối với tổ chức có trụ sở chính tại địa bàn thuộc phạm vi quản lý của mình theo quy định tại khoản 4 Điều 148 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 53 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020 và khoản 1 Điều 96 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

Mục 4

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG, KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT TRONG CÁC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC NGÀNH XÂY DỰNG

Điều 15. Trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình, bảo trì công trình xây dựng

1. Sở Xây dựng:

a) Là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh; tổng hợp báo cáo tình hình quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh gửi UBND tỉnh và Bộ Xây dựng;

b) Trực tiếp quản lý chuyên môn về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng thuộc chuyên ngành theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh:

Trực tiếp tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng thuộc chuyên ngành theo quy định tại các điểm c, d, đ khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; báo cáo định kỳ, hằng năm công tác quản lý chất lượng công trình và bảo trì công trình do ngành quản lý về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng và UBND tỉnh.

3. UBND cấp huyện:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn; báo cáo định kỳ, hằng năm về chất lượng công trình gửi Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng và UBND tỉnh;

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

4. UBND cấp xã:

a) Phối hợp với Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện trong việc quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng;

b) Theo dõi tình hình xây dựng công trình trên địa bàn; trường hợp phát hiện công trình xây dựng có dấu hiệu không đảm bảo chất lượng, không đảm bảo an toàn cho người sử dụng, có nguy cơ xảy ra sự cố phải có biện pháp ngăn chặn kịp thời, tổ chức di chuyển người và tài sản, đồng thời báo cáo UBND cấp huyện để giải quyết.

Điều 16. Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

1. Sở Xây dựng:

Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình thuộc trách nhiệm quản lý của Sở theo quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, bao gồm: Công trình xây dựng thuộc các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã quản lý có quy mô từ cấp I trở xuống; công trình xây dựng thuộc dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật và công trình sửa chữa, cải tạo do cơ quan trung ương quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh; công trình xây dựng thuộc các dự án sử dụng vốn khác thực hiện trên địa bàn tỉnh có quy mô từ cấp I trở xuống và có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng (trừ các công trình quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này).

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương:

Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình thuộc trách nhiệm quản lý của Sở theo quy định tại điểm c, d khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, bao gồm: Công trình xây dựng thuộc các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã quản lý có quy mô từ cấp I trở xuống; công trình xây dựng thuộc dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật và công trình sửa chữa, cải tạo do cơ quan trung ương quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh; công trình xây dựng thuộc các dự án sử dụng vốn khác thực hiện trên địa bàn tỉnh có quy mô từ cấp I trở xuống và có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng (trừ các công trình quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này, công trình có mục tiêu đầu tư và phạm vi khai thác, bảo vệ liên quan từ 02 tỉnh trở lên).

3. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh:

Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thuộc các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công và các dự án sử dụng vốn khác có quy mô từ cấp I trở xuống và có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng trong phạm vi các khu công nghiệp.

4. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện:

Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thuộc các dự án nhóm C có quy mô từ cấp III trở xuống do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư; công trình xây dựng thuộc các dự án sử dụng vốn khác có quy mô từ cấp III trở xuống và có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố (trừ các công trình thuộc dự án Khu nhà ở, Khu đô thị, Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, dự án đầu tư xây dựng trong khu công nghiệp, công trình đi qua địa bàn hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên)

Điều 17. Thẩm quyền tiếp nhận và cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình xây dựng

UBND tỉnh phân cấp cho Sở Xây dựng tiếp nhận và cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 39 và khoản 5 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP. Danh mục công trình cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình quy định tại Phụ lục III Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

Điều 18. Trách nhiệm giải quyết sự cố công trình và giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng

1. Sở Xây dựng:

a) Chủ trì tham mưu UBND tỉnh giải quyết sự cố công trình cấp I trở lên xảy ra trên địa bàn tỉnh theo chuyên ngành quản lý quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

b) Chủ trì tham mưu UBND tỉnh tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng xảy ra trên địa bàn tỉnh theo chuyên ngành quản lý quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh:

a) Chủ trì tham mưu UBND tỉnh giải quyết sự cố công trình cấp I trở lên xảy ra trên địa bàn tỉnh theo chuyên ngành quản lý quy định tại điểm c, d, đ khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

b) Chủ trì tham mưu UBND tỉnh tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng xảy ra trên địa bàn tỉnh theo chuyên ngành quản lý quy định tại điểm c, d, đ khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

c) Báo cáo sự cố công trình xây dựng về UBND tỉnh (thông qua Sở Xây dựng) theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. UBND cấp huyện:

a) Chủ trì giải quyết sự cố công trình đối với công trình có quy mô từ cấp II trở xuống trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố; báo cáo sự cố công trình xây dựng về UBND tỉnh (thông qua Sở Xây dựng) theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

b) Phối hợp với cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh trong việc giải quyết sự cố công trình xây dựng có quy mô cấp I trở lên.

4. UBND cấp xã:

a) Phối hợp với Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh, cấp huyện trong việc giải quyết sự cố công trình xây dựng; báo cáo sự cố công trình xây dựng về UBND cấp huyện và UBND tỉnh (thông qua Sở Xây dựng) theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

b) Chỉ đạo, hỗ trợ, tổ chức lực lượng tìm kiếm cứu nạn, bảo vệ hiện trường sự cố công trình trong quá trình thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình xây dựng; thực hiện các công việc cần thiết khác trong quá trình giải quyết sự cố công trình.

Điều 19. Trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện pháp luật trong các lĩnh vực quản lý nhà nước ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh

1. Sở Xây dựng:

Kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật, các nhiệm vụ được phân cấp, uỷ quyền, các nhiệm vụ theo chức năng được giao đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

2. UBND cấp huyện:

Kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật, các nhiệm vụ được phân cấp, uỷ quyền, các nhiệm vụ theo chức năng được giao trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố đối với UBND cấp xã theo quy định tại điểm b, c khoản 4 Điều 13 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Xử lý chuyển tiếp

1. Dự án, công trình xây dựng đã trình cấp có thẩm quyền thẩm định BCNCKT, BCKTKT, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, cấp giấy phép xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu trước ngày Quy định này có hiệu lực thì thẩm quyền thực hiện các thủ tục nêu trên tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND, Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND và Quyết định số 4/2023/QĐ-UBND, trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu, chủ đầu tư phải hoàn thiện và trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Quyết định này.

2. Các dự án đã được quyết định đầu tư, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình trước ngày Quy định này có hiệu lực thì không phải phê duyệt lại. Các hoạt động tiếp theo của dự án thực hiện theo Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan phổ biến, hướng dẫn, theo dõi kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định./.